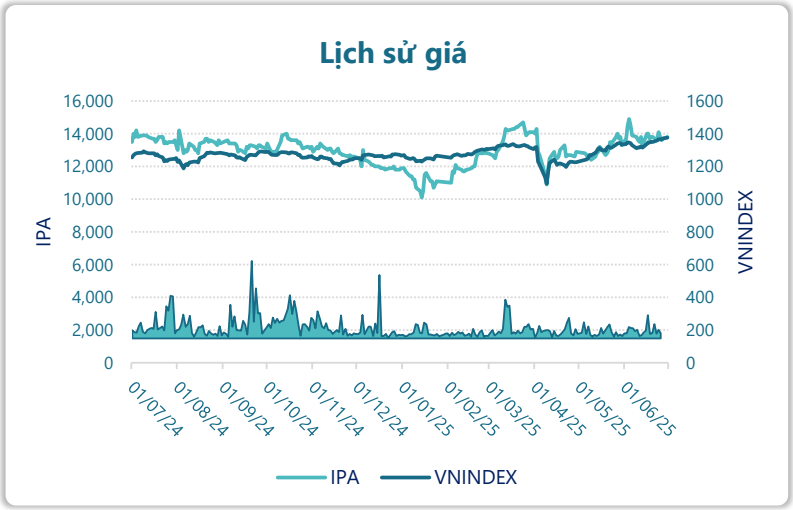
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,100
SL cổ phiếu LH	213,835,775
KLGD BQ 20 phiên (CP)	257,725
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,951
P/E	7.8
EPS	1,760

DT thuần

Q2/25

85.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.0| -19.8%

YoY: ▼78.0| -47.9%

LN sau thuế

Q2/25

124

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 104| 506%

YoY: ▲ 36.1| 40.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

253%

+/- YoY: ▲ 141%

DT thuần

6T 2025

191

tỷ VNĐ

YoY: ▼58.0| -23.4%

LN sau thuế

6T 2025

144

tỷ VNĐ

YoY: ▼49.0| -25.3%

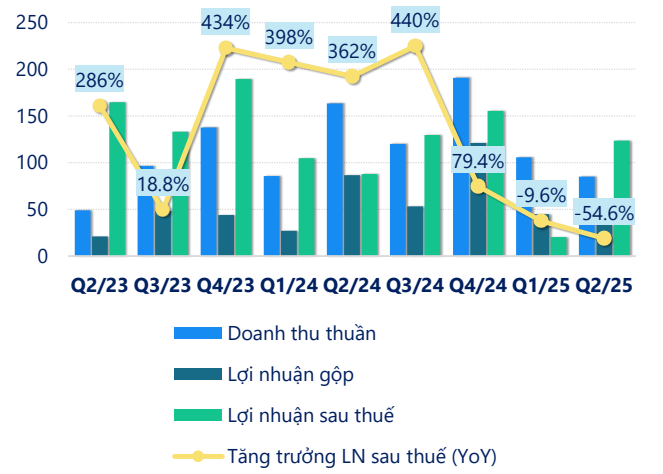
ROE

Q2/25

8.6%

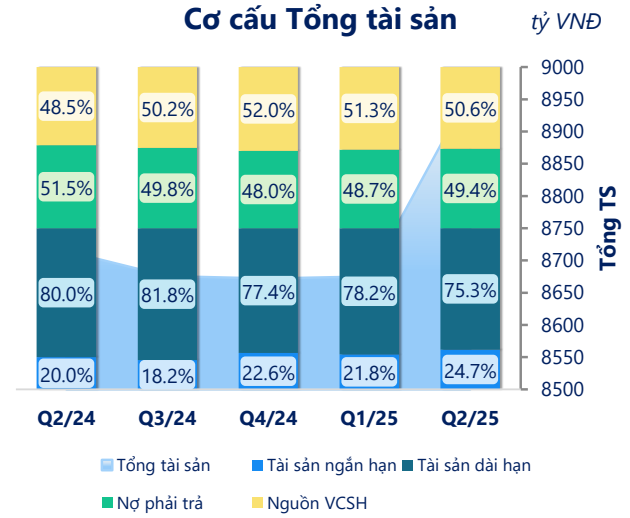
+/- YoY: ▼ 3.1%

Kết quả kinh doanh



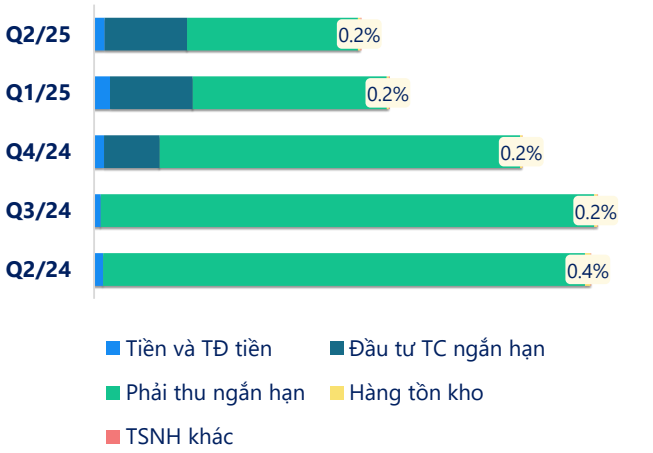
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



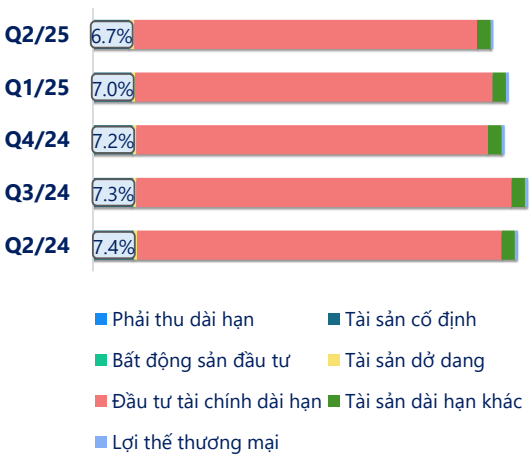
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



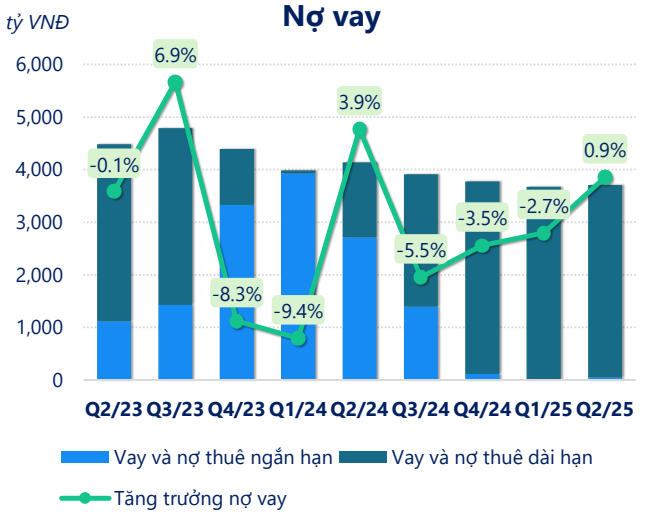
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



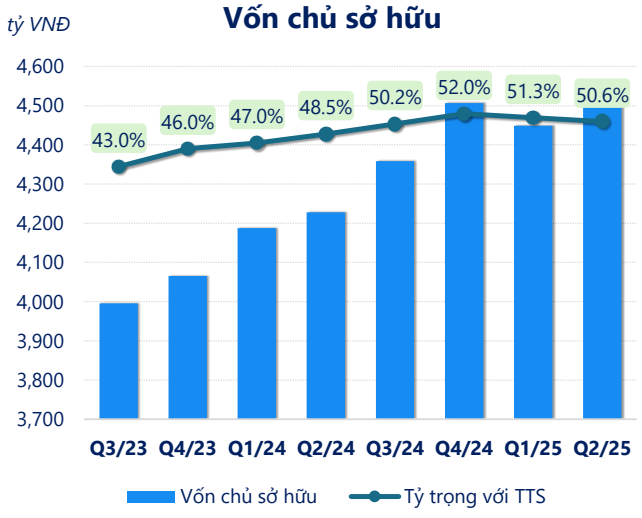
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



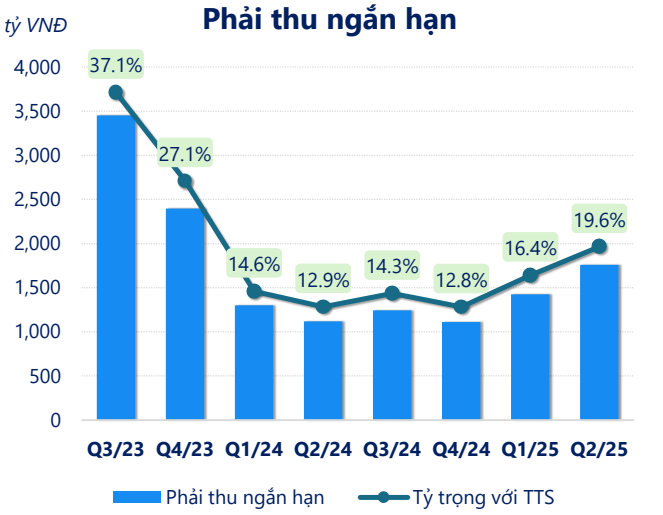
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



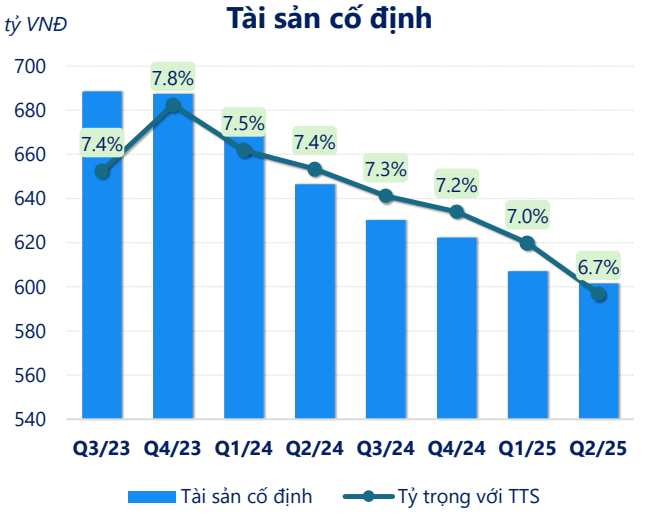
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



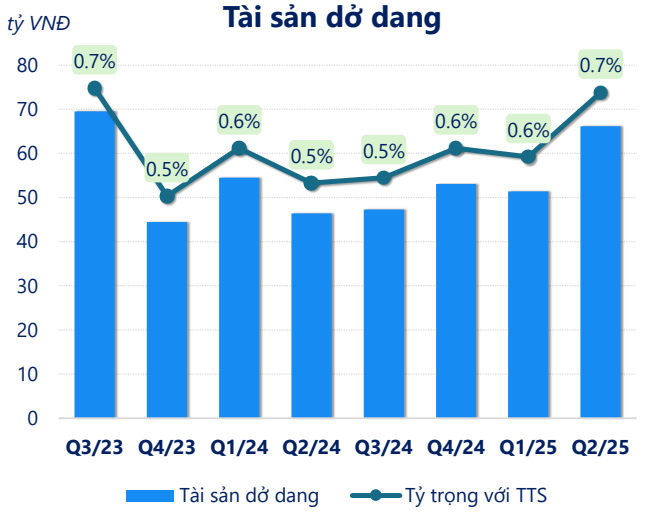
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



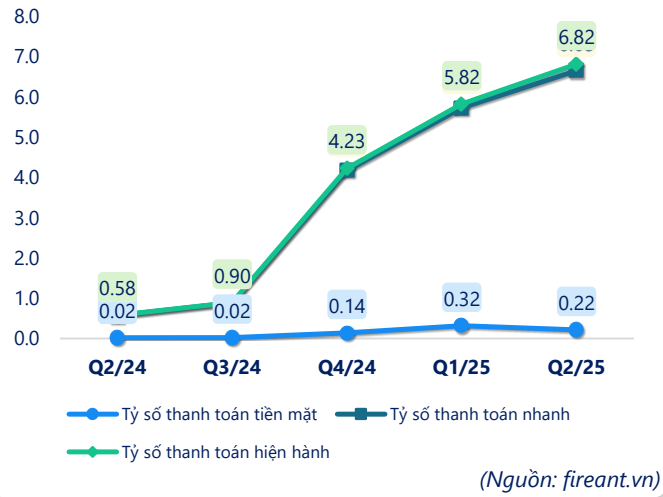
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



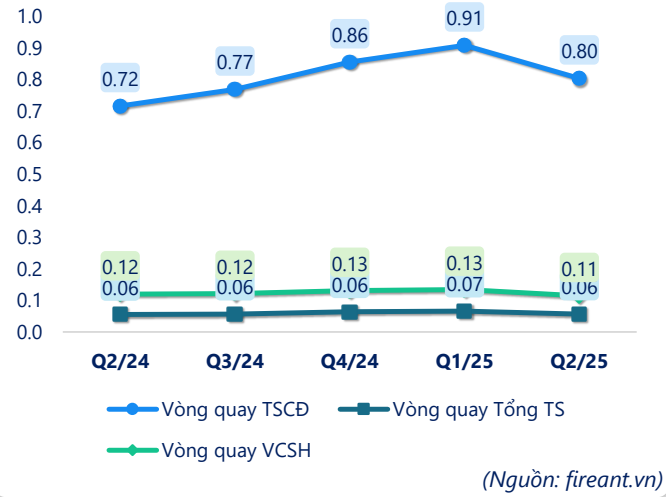
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**8,715**	**8,676**	**8,672**	**8,675**	**8,964**
Tài sản ngắn hạn	**1,745**	**1,576**	**1,956**	**1,888**	**2,215**
Tiền và tương đương tiền	60.2	43.3	65.5	103	70.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	541	262	748	323	322
Phải thu ngắn hạn	1,120	1,244	1,112	1,424	1,761
Hàng tồn kho	19.0	19.1	24.7	30.2	52.7
Tài sản ngắn hạn khác	4.93	7.43	5.45	7.44	8.32
Tài sản dài hạn	**6,970**	**7,100**	**6,716**	**6,787**	**6,749**
Phải thu dài hạn	19.0	19.3	19.3	19.3	15.3
Tài sản cố định	646	630	622	607	601
Bất động sản đầu tư	11.6	11.5	11.5	11.4	11.4
Tài sản dở dang	46.4	47.3	53.1	51.4	66.2
Đầu tư tài chính dài hạn	5,969	6,119	5,740	5,831	5,781
Tài sản dài hạn khác	222	220	220	220	228
Lợi thế thương mại	55.3	52.9	50.5	48.0	45.6
Nợ phải trả	**4,487**	**4,318**	**4,166**	**4,226**	**4,425**
Nợ ngắn hạn	**3,020**	**1,758**	**462**	**324**	**325**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,712	1,392	112	12.3	44.5
Phải trả người bán ngắn hạn	3.62	3.01	5.44	9.84	6.61
Nợ dài hạn	1,467	2,560	3,704	3,902	4,100
Vay và nợ thuê dài hạn	1,425	2,518	3,662	3,661	3,660
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,228**	**4,358**	**4,506**	**4,449**	**4,538**
Vốn chủ sở hữu	**4,228**	**4,358**	**4,506**	**4,449**	**4,538**
Vốn điều lệ	2,138	2,138	2,138	2,138	2,138
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)